**BÀI 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

**Câu 1:** Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác giao lưu giữa các dân tộc:

A. Các bên cùng có lợi **B. Bình đẳng**

C. Đoàn kết giữa các dân tộc D. Tôn trọng lợi ích của các dân tộc thiểu số

**Câu 2:** Số lượng các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổViệt Nam là:

**A. 54** B. 55 C. 56 D. 57

**Câu 3:** Dân tộc được hiểu theo nghĩa:

**A. Một bộ phận dân cư của 1 quốc gia** B. Một dân tộc thiểu số

C. Một dân tộc ít người D. Một cộng đồng có chung lãnh thổ

**Câu 4:** Yếu tốquan trọng đểphân biệt sựkhác nhau giữa tín ngưỡng với mê tín dịdoan là:

A. Niềm tin B. Nguồn gốc

**C. Hậu quả xấu để lại** D. Nghi lễ

**Câu 5:** Hành vi nào sau đây thểhiện tín ngưỡng?

**A. Thắp hương trước lúc đi xa** B. Yếm bùa

C. Không ăn trứng trước khi đi thi D. Xem bói

**Câu 6:** Khẩu hiệu nào sau đây phản ánh không đúng trách nhiệm của công dân có tínn

**A. Buôn thần bán thánh** B. Tốt đời đẹp đạoC. Kính chúa yêu nước D. Đạo pháp dân tộc

**Câu 7:** Bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là:

**A. Công dân có quyền không theo bất kì tôn giáo nào.**

1. Người đã theo tín ngưỡng, tôn giáo không có quyền bỏ mà theo tín ngưỡng, tôn giáo khác.
2. Người theo tín ngưỡng, tôn giáo có quyền tham gia hoạt động tín ngưỡng tôn giáo đó.
3. Tất cả các phương án trên.

**Câu 8. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là:**

A. Các dân tộc được nhà nước và pháp luật tôn trọng

1. Các dân tộc được nhà nước và pháp luật bảo vệ
2. **Các dân tộc được nhà nước tôn trọng, bảo vệ và pháp luật tạo điều kiện phát triển**
3. Các dân tộc được nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ

**Câu 9. Tôn giáo được biểu hiện:**

1. Qua các đạo khác nhau
2. Qua các tín ngưỡng
3. **Qua các hình thức tín ngưỡng có tổ chức**
4. Qua các hình thức lễ nghi